

**KẾ HOẠCH
Quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Vĩnh Long
đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 12/6/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường về hướng dẫn kỹ thuật xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, gồm các nội dung sau:

I. Đánh giá chất lượng môi trường không khí của tỉnh Vĩnh Long

1. Khu vực đô thị

Chất lượng không khí khu vực đô thị tại thành phố Vĩnh Long và thị xã Bình Minh khá tốt, đảm bảo sức khỏe của người dân trong khu vực sinh sống, các thông số quan trắc đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (QCVN 05:2023/BTNMT). Riêng, đối với thông số tiếng ồn, giá trị trung bình (GTTB) thông số tiếng ồn tại khu vực thành phố Vĩnh Long giai đoạn năm 2018-2022 được so sánh với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và vượt quy chuẩn từ 0,1 - 6,0 dBA, (năm 2022 thông số tiếng ồn tại Ngã 3 vòng xoay chợ Long Châu, phường 2, thành phố Vĩnh Long và Văn phòng cảng Vĩnh Long là 73,95 dBA và 74,75 dBA vượt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT).

2. Khu vực các khu công nghiệp

Nồng độ các thông số ô nhiễm NO₂, SO₂ và CO biến động không nhiều trong giai đoạn 2018 – 2022; nồng độ Tổng bụi lơ lửng (TSP) có xu hướng giảm nhẹ vào năm 2022, cụ thể:

- Nồng độ NO₂: Thông số NO₂ có GTTB dao động từ 4 µg/Nm³ đến 41 µg/Nm³ và đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT (cột trung bình 1 giờ) tại tất cả các khu vực quan trắc qua các năm và chưa có sự khác biệt lớn giữa các khu vực.

- Nồng độ SO_2 : Dao động từ $3 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ đến $47 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ thấp hơn QCVN 05:2023/BTNMT (cột trung bình 1 giờ) tại tất cả các khu vực qua các năm quan trắc. Nồng độ ô nhiễm luôn giữ mức độ đồng đều qua từng năm và chưa có sự khác biệt lớn giữa các khu vực.

- Nồng độ CO: Dao động từ $3.227 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ đến $5.941 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ thấp hơn QCVN 05:2023/BTNMT (cột trung bình 1 giờ) tại tất cả các khu vực qua các năm quan trắc và có xu hướng tăng nhẹ.

- Nồng độ Tổng bụi lơ lửng (TSP): Dao động từ $21 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ đến $252 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ thấp hơn QCVN 05:2023/BTNMT (cột trung bình 1 giờ) tại tất cả các khu vực qua các năm quan trắc.

- Riêng, thông số tiếng ồn khu vực khu công nghiệp (KCN) giai đoạn 2018 -2022 có GTTB dao động từ 64,8 – 69,5 dBA và đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT.

3. Khu vực làng nghề

Chất lượng không khí tại khu vực làng nghề chưa bị ô nhiễm bởi các chất độc hại. Tuy nhiên, tại một số khu vực quan trắc ghi nhận hàm lượng bụi và Hydrofluoride (HF) có dấu hiệu tăng. Tổng bụi lơ lửng có GTTB dao động từ 26 - $1.893 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ và vượt so với QCVN 05:2023/BTNMT tại 6/9 khu vực quan trắc từ 1,16 - 6,31 lần (năm 2021-2022). Năm 2021, thông số Tổng bụi lơ lửng khu vực quan trắc (tuyến gần lò gạch Lợi Lộc, tuyến gần lò gạch của Doanh nghiệp tư nhân Vạn Hiệp Xương 1, tuyến gần cụm Lò gạch, gồm của Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Đức Hưng - Tân Hương - Thiên Long - Hoàng Khang) có GTTB Tổng bụi lơ lửng cao hơn so với các khu vực còn lại lần lượt là $1.893 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$, $1.288 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ và $987 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$. GTTB thông số HF (năm 2021) là $128 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$ tại tuyến gần cụm Lò gạch, gồm của Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Đức Hưng - Tân Hương - Thiên Long - Hoàng Khang, vượt giá trị giới hạn của QCVN 05:2023/BTNMT 6,4 lần; GTTB thông số tiếng ồn tại một số vị trí vượt QCVN 26:2010/BTNMT từ 0,1-1,47 dBA.

4. Khu vực nông thôn

- Chất lượng không khí khu vực nông thôn giai đoạn 2018 -2022 cơ bản đang ở mức tốt; tuy nhiên tại một số khu vực chịu tác động từ hoạt động chăn nuôi tập trung; chôn lấp rác thải; sản xuất vật liệu xây dựng thường có chất lượng không khí kém hơn các khu vực khác. GTTB nồng độ NH_3 tại bãi rác Hòa Phú (xã Hòa Phú, huyện Long Hồ) năm 2022 vượt giá trị giới hạn cho phép so với quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT (cột trung bình 1 giờ) 1,95 lần ($389 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$).

- Qua kết quả quan trắc bổ sung tại 18 điểm không khí tại khu vực nông thôn năm 2023 cho thấy, tất cả các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT. Nồng độ Bụi PM_{10} , $\text{PM}_{2.5}$ xuất hiện tại tất cả các điểm quan trắc bổ sung với giá trị $<0,03 \text{ mg}/\text{m}^3$ ($27 \mu\text{g}/\text{Nm}^3$). Môi trường không khí trong khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long khá tốt, chưa chịu tác động từ các hoạt động phát triển.

II. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thời gian qua

1. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

a. Thể chế, chính sách, các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí tại tỉnh Vĩnh Long.

Về mặt thể chế, chính sách

Tỉnh ủy, UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản chỉ đạo; một số cơ chế, chính sách được quan tâm xây dựng và hoàn thiện nhằm tăng cường công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý chất lượng không khí nói riêng. Một số Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Quyết định đã được ban hành nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

- Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá, xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Quyết định 717/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Long về phê duyệt kết quả dự án “Xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long về Ban hành quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long về Phê duyệt Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long về phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050.

Về các giải pháp quản lý

- Đối với lĩnh vực thu hút đầu tư: Thời gian vừa qua, UBND tỉnh đã ưu tiên đầu tư các dự án có công nghệ sản xuất tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường không khí, hạn chế các loại hình sản xuất phát sinh lưu lượng khí thải lớn, công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đồng thời, đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững.

Đối với lĩnh vực xây dựng:

- Trong quy hoạch chung đô thị, Sở Xây dựng đã hướng dẫn triển khai công tác lập đồ án và tổ chức thẩm định đảm bảo với chỉ tiêu cây xanh công cộng cho toàn đô thị. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng, ngoài các chỉ tiêu cây xanh công cộng chung của toàn đô thị, đối với các khu dân cư, khu đô thị đều kiểm tra rà soát các chỉ tiêu về cây xanh công cộng phục vụ các đơn vị ở đảm bảo theo quy định của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

- Hướng dẫn các chủ dự án, các đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng thực hiện nghiêm các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải tại các công trường xây dựng. Yêu cầu các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng... phải thực hiện che chắn và vận dụng các biện pháp nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh...

Đối với lĩnh vực môi trường

- Công tác thẩm định hồ sơ môi trường đã được triển khai chặt chẽ theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó tập trung yêu cầu các dự án đầu tư phải đầu tư lắp đặt, vận hành đồng bộ các hệ thống thiết bị xử lý khí thải, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường (*trước đây là Sở Tài nguyên và Môi trường*) đã xây dựng và tổ chức triển khai chương trình quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long đã được UBND tỉnh Vĩnh Long phê duyệt tại Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 về việc phê duyệt Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030”; theo đó, hàng năm đã tiến hành lấy mẫu không khí xung quanh tại 45 điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh để phân tích, đánh giá chất lượng môi trường tại khu vực dễ phát sinh bụi, khí thải như: các khu công nghiệp, khu vực đô thị, khu dân cư, tuyến giao thông, khu vực sản xuất gạch, gốm.... phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Hiện Sở Nông nghiệp và Môi trường đang vận hành 03 trạm quan trắc tự động về không khí tại Công ty Cổ phần Hòa Phú – Khu Công nghiệp Hòa Phú; UBND thành phố Vĩnh Long và Trung tâm hành chính thị xã Bình Minh.

- Để tiếp nhận và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật đối với các thông tin phản ánh về ô nhiễm môi trường, UBND tỉnh đã thiết lập số điện thoại đường dây nóng từ cấp tỉnh đến cấp huyện theo Quyết định số 174/QĐ-BTNMT ngày 24/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã được triển khai đồng bộ. Trên cơ sở kết quả kiểm tra đã yêu cầu các cơ sở công nghiệp phải đầu tư lắp đặt, vận hành các hệ thống thiết bị xử lý khí thải, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư có phát thải khí thải gây ô nhiễm môi

trường. Đồng thời, tăng cường xử lý các cơ sở, hoạt động gây ô nhiễm không khí trên địa bàn; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhằm tăng cường hỗ trợ các cơ sở sản xuất - kinh doanh thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, các cơ quan chức năng của tỉnh đã tổ chức lớp tập huấn phổ biến các chính sách, quy định về môi trường và kỹ thuật xử lý chất thải cho các cán bộ phụ trách công tác môi trường tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đối với công tác quản lý chất lượng môi trường không khí tại địa bàn huyện, thị xã, thành phố: Các địa phương tăng cường kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở phát sinh khí thải. Đồng thời, yêu cầu các doanh nghiệp có phát sinh khí thải thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình xử lý khí thải, vận hành thường xuyên và đảm bảo khí thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Đối với môi trường trong KCN: Công tác quan trắc, giám sát chất lượng không khí định kỳ tại các KCN đã được Ban Quản lý KCN, các chủ đầu tư hạ tầng KCN và chủ đầu tư các dự án thứ cấp quan tâm thực hiện. Qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng môi trường không khí trong phạm vi quy hoạch các KCN đều đạt quy chuẩn môi trường cho phép, không có dấu hiệu ô nhiễm.

- **Trong lĩnh vực nông nghiệp:** Thông qua các tổ chức hội đoàn thể, các xã đạt chuẩn nông thôn mới đã tiến hành vận động người dân không đốt chất thải rơm, rạ sau thu hoạch, không đốt bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, định kỳ thu gom và xử lý theo quy định; hướng dẫn các hộ nông dân tận dụng rơm rạ sau thu hoạch vào các mục đích hiệu quả. Về chăn nuôi, ưu tiên chú trọng phát triển theo hướng trang trại, ứng dụng công nghệ cao, đầu tư hệ thống xử lý chất thải; chăn nuôi theo hướng hữu cơ, sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

- **Trong lĩnh vực y tế:** Trên địa bàn tỉnh không còn hoạt động của các lò đốt chất thải y tế tại các bệnh viện, cơ sở y tế. Theo đó, các cơ sở y tế đều tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế theo quy định.

- **Đối với hoạt động giao thông:** Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm công tác kiểm định, tổ chức tuyên truyền về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải. Những năm gần đây, Trung tâm đã thực hiện rà soát, thống kê, lập danh sách các phương tiện xe cơ giới hết niên hạn sử dụng do đơn vị quản lý. Các Trung tâm đăng kiểm cương quyết từ chối kiểm định đối với ô tô tải có kích thước thùng vượt quá quy định, xe hết niên hạn sử dụng và đặc biệt quan tâm đến các phương tiện không đạt chuẩn về khí xả.

- **Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ:** Lồng ghép nhiệm vụ khoa học, công nghệ trong triển khai nhiệm vụ liên quan đến việc ứng dụng công nghệ tiên

tiến nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đổi mới công nghệ nhằm hạn chế phát sinh khí thải.

- **Trong lĩnh vực tài chính:** Hoàn thiện cơ chế tài chính, đa dạng hóa nguồn lực cho lĩnh vực quản lý chất lượng không khí: bố trí các nguồn kinh phí theo quy định để thực hiện các chương trình, đề án tăng cường quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

b. Hiệu quả của các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí đang được thực hiện

- Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường không khí tỉnh Vĩnh Long tiếp tục được đẩy mạnh và thu được một số kết quả khả quan, hệ thống văn bản chỉ đạo về bảo vệ môi trường không khí đã và đang tiếp tục được hoàn thiện, hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về môi trường không khí cũng đã đi vào hoạt động ổn định; các ngành, lĩnh vực cũng đã triển khai những giải pháp cụ thể, đem lại nhiều kết quả tích cực trong kiểm soát và bảo vệ môi trường không khí.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được thực hiện đồng bộ, không để xảy ra sự cố môi trường; tiến hành kiểm tra kịp thời đối với các kiến nghị, phản ánh về hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường, không để xảy ra điểm nóng kéo dài, ngăn ngừa nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý hoạt động giao thông nhằm kiểm soát và giảm thiểu các chất ô nhiễm phát thải vào không khí từng bước kiểm soát và khắc phục ô nhiễm từ hoạt động sản xuất công nghiệp. Việc kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy đều được các cơ quan chức năng tại Vĩnh Long thực hiện theo các quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (về niên hạng, khí thải của phương tiện giao thông). Đồng thời việc sử dụng phương tiện giao thông công cộng đã được người dân quan tâm hơn, đến nay trên địa bàn tỉnh có 6 tuyến xe buýt, trong đó 2 tuyến liên tỉnh (tuyến Vĩnh Long – Cần Thơ) với 25 phương tiện phục vụ và 4 tuyến nội tỉnh với 35 phương tiện (tuyến Tp. Vĩnh Long, tuyến Vũng Liêm, tuyến Long Hồ, tuyến Tam Bình) hầu hết đạt tiêu chuẩn khí thải EURO III.

- Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường được các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai mạnh mẽ, tương đối đồng bộ và đa dạng về tình hình thực hiện.

c. Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

- Tỉnh chưa có kế hoạch/đề án về quản lý môi trường không khí để địa phương triển khai thực hiện. Việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục tình trạng

ô nhiễm không khí chưa có hướng dẫn của Trung ương nên địa phương gặp khó khăn.

- Việc đánh giá tác động về nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí đến bệnh tật, sức khỏe cộng đồng chưa được toàn diện do chưa đủ nguồn số liệu để đánh giá.

- Tại khu vực nông thôn: vấn đề thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại nhiều vùng nông thôn cũng chưa đảm bảo vệ sinh cho môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Đa số các cơ sở phát sinh khí thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đều đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo quy định. Còn một số ít những cơ sở sản xuất chưa quan tâm đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường hoặc đã đầu tư xây dựng công trình xử lý khí thải nhưng trong quá trình vận hành chưa thật sự quan tâm.

- Ý thức, trách nhiệm của một số hộ dân về bảo vệ môi trường không khí còn hạn chế như lạm dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu sử dụng không theo quy định, không có sự quản lý chặt chẽ.

- Quá trình thực hiện kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh tỉnh vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn như về công nghệ, nhân lực và vấn đề kiểm soát thiệt hại do thời tiết cực đoan, dẫn đến nhiều tiêu chí, chương trình chưa được thực hiện đúng tiến độ. Đã có nhiều hoạt động quản lý nhằm nâng cao tính kiểm soát đối với các nguồn thải tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa rõ ràng tích cực và gặp nhiều rào cản do ý thức của người dân, cơ sở; do thiếu các nguồn lực đầu tư.

- Nhân lực cho công tác bảo vệ môi trường: Hệ thống quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương chưa hoàn thiện, thiếu cán bộ môi trường cấp cơ sở, phần lớn công tác môi trường cấp xã do cán bộ địa chính kiêm nhiệm, thiếu kiến thức về chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý nhà nước về môi trường.

2. Hiện trạng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí

Theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 về việc phê duyệt Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030: có 45 vị trí quan trắc chất lượng không khí xung quanh, chia thành 02 nhóm:

- Nhóm 1: 35 vị trí quan trắc không khí xung quanh các khu công nghiệp khu vực đô thị, khu dân cư, tuyến giao thông.

- Nhóm 2: 10 vị trí quan trắc không khí xung quanh các khu vực sản xuất gạch, gốm.

- Thông số quan trắc: Nhóm 1: 14 thông số gồm hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm tương đối, áp suất, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO, O₃, Tổng bụi lơ lửng (TSP), Bụi PM₁₀, Pb, NH₃. Nhóm 2: 11 thông số gồm hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm tương đối, áp suất, tiếng ồn, SO₂, CO, Tổng bụi lơ lửng (TSP), Bụi PM₁₀, HF.

- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm vào mùa khô (tháng 3 - 4), mùa mưa (tháng 9) hằng năm. Đối với các thông số trong môi trường không khí, sử dụng phương pháp đo trực tiếp tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm theo các quy chuẩn hiện hành; Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu được thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

- Về thiết bị quan trắc: Thiết bị quan trắc hiện trường, thiết bị phòng thí nghiệm được kiểm tra trước khi sử dụng và hiệu chuẩn theo định kỳ hàng năm.

- Hiện nay tỉnh Vĩnh Long có 3 trạm quan trắc tự động, liên tục:

+ Tại khuôn viên khu hành chính thị xã Bình Minh (Phường Thành Phước, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long).

+ Tại khuôn viên Công ty Cổ phần Hòa Phú (Khu Công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long).

+ Tại khuôn viên UBND tỉnh Vĩnh Long (đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

+ Danh mục thông số quan trắc đối với từng trạm: Thông số quan trắc tự động liên tục chất lượng môi trường không khí được lựa chọn bao gồm: 6 thông số gồm SO_2 , CO, NO_x , O_3 , Bụi ($\text{PM}_{2.5}$; PM_{10} ; PM-TSP); Các thông số khí tượng: (Nhiệt độ, Áp suất, Ẩm độ, Tốc độ gió, Hướng gió, Mực nước mưa, Bức xạ mặt trời).

3. Xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính

- Nguồn điểm: Các đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính bao gồm các cơ sở phát thải lớn thuộc các nhóm ngành nghề theo Quyết định 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (nay đã được thay thế tại Quyết định 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ). Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành kiểm kê đối với 70 cơ sở phát thải chính (là các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ đang hoạt động có phát sinh khí thải (qua ống khói cố định), có sử dụng nhiên liệu đốt hoặc gia nhiệt trong quá trình hoạt động) thuộc 16 nhóm ngành nghề đặc trưng nhằm xác định mức độ phát thải bao gồm: Sản xuất xi măng; chăn nuôi; nuôi gà thịt; chế biến thực phẩm; cơ sở hỏa táng; dược phẩm và dụng cụ y tế; giết mổ gia súc gia cầm; sản xuất giày, may mặc, gia công giày; sản xuất nhựa; tái chế; phân bón; phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; sản xuất bia; sản xuất viên nang rỗng; thức ăn thủy sản và chăn nuôi; sản xuất thực phẩm.

- Nguồn di động: bao gồm các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: ô tô, xe tải, buýt, xe máy,...; các phương tiện di động khác: tàu thủy,... Các nguồn di động trên địa bàn tỉnh được chia thành 2 dạng: Các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại các khu vực có mật độ giao thông lớn: xe máy, ô tô, xe tải, xe buýt. Các phương tiện di động khác: tàu, thuyền.

- Nguồn diện: Hoạt động xây dựng, hoạt động đun nấu sinh hoạt, cơ sở buôn bán vật liệu xây dựng,...

4. Kiểm kê phát thải

- Nguồn điểm: Kết quả kiểm kê phát thải 70 cơ sở phát thải chính trên địa bàn tỉnh như sau: Tổng tải lượng khí thải và bụi phát sinh ước tính: CO, SO₂, NO₂, PM₁₀ và PM_{2.5} lần lượt là 26,5211 g/s; 3,6055 g/s; 9,4654 g/s; 7,809 g/s; 7,3121 g/s tương đương lần lượt là 836,4 tấn/năm; 113,7 tấn/năm; 298,5 tấn/năm; 246,3 tấn/năm; 230,6 tấn/năm. Tỷ lệ phát thải ở nguồn điểm CO (49%) có tỷ lệ phát thải cao nhất trong tổng các chất phát thải, tiếp theo là NO₂ (17%), PM₁₀ (14%), PM_{2.5} (13%) và SO₂ (7%). Ngành sản xuất thức ăn thủy sản & chăn nuôi có mức phát thải các chất cao nhất lần lượt với các thông số CO, NO₂, PM₁₀, PM_{2.5} với tỷ lệ 80%, 74%, 73%, 76%. Riêng với phát thải SO₂ ngành sản xuất giày, may mặc, gia công giày chiếm tỷ lệ cao nhất với 83%.

- Nguồn di động: Kết quả kiểm kê phát thải nguồn di động được xác định trên cơ sở kiểm kê tính toán bụi và khí thải từ hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy do hoạt động đốt nguyên nhiên liệu. Tổng tải lượng bụi và khí thải từ hoạt động giao thông đường bộ và đường thủy phát sinh: CO, SO₂, NO₂, PM₁₀, PM_{2.5} và HC lần lượt là 12,654 g/s; 2,672 g/s; 0,759 g/s; 0,562 g/s; 0,468 g/s và 2,89 g/s tương đương lần lượt là 399,1 tấn/năm; 84,3 tấn/năm; 23,9 tấn/năm; 17,7 tấn/năm; 14,8 tấn/năm; 91,1 tấn/năm. Tỷ lệ phát thải ở nguồn di động CO (63%) có tỷ lệ phát thải cao nhất trong tổng các chất phát thải, tiếp theo là HC (15%), SO₂ (13%), NO₂ (4%), PM₁₀ (3%) và PM_{2.5} (2%). Lượng phát thải theo nguồn di động các chất CO, SO₂, NO₂, PM₁₀, PM_{2.5} và hydrocacbon (HC) gồm 10 đường bộ gồm: Quốc lộ 1A (QL1A), QL53, QL54, 901, 902, 904, 905, 906, 908, 909 và 6 vị trí đường sông gồm: 2 vị trí sông Mang Thít, 2 vị trí sông Cổ Chiên, sông Vũng Liêm, sông Hậu. Đối với đường bộ QL1A có lượng phát thải cao nhất, sau đó là QL53, đối với đường sông Mang Thít và sông Cổ Chiên có lượng phát thải cao hơn các nguồn còn lại.

- Nguồn diện: Kết quả kiểm kê phát thải nguồn diện được xác định căn cứ trên cơ sở kiểm kê đánh giá các hoạt động xây dựng, hoạt động đun nấu sinh hoạt, cơ sở buôn bán vật liệu xây dựng. Tổng tải lượng bụi và khí thải phát sinh: CO, SO₂, NO₂, PM₁₀, PM_{2.5} và HC lần lượt là 0,000989 g/s; 0,000298 g/s; 0,00184 g/s; 0,724 g/s; 0,00802 g/s và 0,000581 g/s tương đương lần lượt là 0,031 tấn/năm; 0,009 tấn/năm; 0,058 tấn/năm; 22,832 tấn/năm; 0,253 tấn/năm; 0,018 tấn/năm. Tỷ lệ phát thải các thông số ô nhiễm của loại hình hộ gia đình chiếm tỷ lệ hoàn toàn ở các thông số CO, SO₂, NO₂, HC. Riêng đối với PM₁₀ và PM_{2.5} phát thải các chất loại hình hộ gia đình và công trình xây dựng lần lượt là 94%, 6% và 45%, 55%.

Trong 3 nguồn phát thải nguồn điểm, nguồn di động, nguồn diện thì nguồn điểm có lượng phát thải các thông số ô nhiễm cao nhất với tỷ lệ các chất CO, SO₂, NO₂, PM₁₀, PM_{2.5} lần lượt là 66%, 52%, 87%, 86%, 94%. Tiếp theo là nguồn di động có lượng phát thải tỷ lệ các thông số CO, SO₂, NO₂, PM₁₀, PM_{2.5} lần lượt là 32%, 39%, 7%, 7%, 6%, riêng HC có phát thải nguồn di động là 100%.

5. Mô hình hóa chất lượng môi trường không khí

Kết quả tính toán mô phỏng lan truyền cho 5 chỉ tiêu CO, SO₂, NO₂, PM₁₀ và PM_{2.5} cho hiện trạng năm 2022 và 02 kịch bản dự báo tương lai (năm 2025 và năm 2030). Việc tính toán mô hình dựa yếu tố đầu vào là kết quả kiểm kê các nguồn thải trên địa bàn tỉnh. Thông qua các kịch bản mô phỏng cho thấy nồng độ trung bình cao nhất 1 giờ của NO₂ và nồng độ trung bình cao nhất 24 giờ của PM_{2.5} vượt quy chuẩn chất lượng không khí xung quanh cụ thể như sau:

a. Hiện trạng năm 2022

- Kết quả tính toán mô phỏng lan truyền ô nhiễm NO₂ trung bình 1 giờ năm 2022 cho thấy giá trị cao nhất là 257,75 µg/m³ vào lúc 7 giờ ngày 31/10/2022 tại xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nồng độ này đã vượt quá QCVN 05:2023/BTNMT (ngưỡng giới hạn NO₂ trung bình 1 giờ là 200 µg/m³) 1,29 lần (tương ứng với 57,75 µg/m³). Tại vị trí nồng độ cao nhất, phạm vi ô nhiễm lan ra từ 150-200 µg/m³ chủ yếu tập trung ở huyện Long Hồ, từ 100-150 µg/m³ ở các huyện Long Hồ, Tam Bình và Tp. Vĩnh Long.

- Kết quả tính toán mô phỏng lan truyền ô nhiễm PM_{2.5} trung bình 24 giờ cho thấy giá trị cao nhất là 90,37 µg/m³ vào lúc 24 giờ ngày 11/03/2022 tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nhìn chung, nồng độ PM_{2.5} trên toàn bộ khu vực nghiên cứu đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (ngưỡng giới hạn PM_{2.5} trung bình 24 giờ là 50 µg/m³), ngoại trừ điểm có giá trị nồng độ lớn nhất kể trên, cao hơn quy chuẩn 1,8 lần. Phạm vi ô nhiễm cao chủ yếu ở 04 huyện Long Hồ, Tam Bình, Mang Thít, Bình Tân và Tp. Vĩnh Long.

b. Kịch bản năm 2025

- Kết quả tính toán mô phỏng lan truyền ô nhiễm NO₂ cho thấy nồng độ trung bình cao nhất 1 giờ của NO₂ là 266,65 µg/m³ tại xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị nồng độ lớn nhất cao hơn so với kịch bản nền là 8,9 µg/m³. Nồng độ này đã vượt quá QCVN 05:2023/BTNMT (ngưỡng giới hạn NO₂ trung bình 1 giờ là 200 µg/m³) 1,33 lần (tương ứng với 66,65 µg/m³). Phạm vi nồng độ cao chủ yếu ở các huyện Long Hồ, Tam Bình và Tp. Vĩnh Long.

- Kết quả tính toán mô phỏng lan truyền ô nhiễm PM_{2.5} trung bình 24 giờ vào năm 2025 cho thấy giá trị cao nhất là 86,24 µg/m³ tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị cao nhất này thấp hơn 4,13 µg/m³ so với kịch bản nền. Nhìn chung, nồng độ PM_{2.5} trên toàn bộ khu vực nghiên cứu đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (ngưỡng giới hạn PM_{2.5} trung bình 24 giờ là 50 µg/m³), ngoại trừ điểm có giá trị nồng độ lớn nhất kể trên, cao hơn quy chuẩn 1,72 lần. Phạm vi ô nhiễm cao chủ yếu ở 04 huyện Long Hồ, Tam Bình, Mang Thít, Bình Tân và Tp. Vĩnh Long.

c. Kịch bản năm 2030

- Sự phân bố ô nhiễm NO₂ trung bình 1 giờ năm 2030 cho thấy giá trị cao nhất là 265,83 µg/m³ tại xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị nồng độ lớn nhất cao hơn so với kịch bản nền là 8,08 µg/m³, thấp hơn so với kịch bản 2025 không đáng kể với 0,82 µg/m³. Tại điểm này, vùng ô nhiễm lan ra

theo dạng hình tròn. Nhìn chung, kết quả cho thấy NO_2 có nồng độ đạt QCVN 05:2023/BTNMT (ngưỡng giới hạn NO_2 trung bình 1 giờ là $200 \mu\text{g}/\text{m}^3$), trừ điểm có nồng độ cao nhất kể trên. Phạm vi ô nhiễm chủ yếu tập trung ở các huyện Long Hồ, Mang Thít, Tam Bình và Tp. Vĩnh Long.

- Sự phân bố ô nhiễm $\text{PM}_{2.5}$ trung bình 24 giờ vào năm 2030 cho thấy giá trị cao nhất là $85,4 \mu\text{g}/\text{m}^3$ tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Giá trị cao nhất này thấp hơn $4,97 \mu\text{g}/\text{m}^3$ so với kịch bản nền và $0,84 \mu\text{g}/\text{m}^3$ so với kịch bản 2025. Nhìn chung, nồng độ $\text{PM}_{2.5}$ trên toàn bộ khu vực nghiên cứu đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (ngưỡng giới hạn $\text{PM}_{2.5}$ trung bình 24 giờ là $50 \mu\text{g}/\text{m}^3$), ngoại trừ điểm có giá trị nồng độ lớn nhất kể trên (cao hơn quy chuẩn 1,71 lần). Phạm vi ô nhiễm cao chủ yếu ở huyện Long Hồ.

III. Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí

1. Tác động từ các nguồn phát thải ở địa phương

Chất lượng môi trường không khí ở tỉnh Vĩnh Long chịu ảnh hưởng từ nhiều nguồn phát sinh khí thải, trong đó các nguồn tác động chính có thể thống kê do phát thải khí từ các hoạt động phát triển công nghiệp, nông nghiệp; hoạt động giao thông vận tải; hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng; hoạt động thu gom và xử lý chất thải; hoạt động sinh hoạt.

a. Hoạt động phát triển công nghiệp

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 Khu công nghiệp đã hoạt động (KCN Hòa Phú, KCN Bình Minh); 02 Khu công nghiệp đã có chủ trương đầu tư và chuẩn bị triển khai thực hiện (KCN Đông Bình, KCN Bình Tân); Tính đến tháng 12/2023, vốn đầu tư đã thực hiện so đăng ký là 1.137,58 tỷ đồng (đạt 18,69%), diện tích đất công nghiệp đã cho thuê so diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê là 279,8 ha (đạt 96,3% so với diện tích đất công nghiệp và dịch vụ của các KCN đã đi vào hoạt động). Hiện có 65 dự án trong KCN, trong đó có 41 dự án FDI. Hiện nay, KCN An Định có quy mô 200 ha đang hoàn thiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp với nhiều loại hình khác nhau được đánh giá là một trong những nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) không khí tại Vĩnh Long. Các tác nhân gây ô nhiễm chủ yếu phát sinh từ quá trình khai thác và cung ứng nguyên vật liệu đầu vào, khí thải từ các công đoạn sản xuất... Nguồn ô nhiễm không khí từ hoạt động công nghiệp thường có nồng độ các chất độc hại cao, tập trung trong một vùng (chủ yếu tại các KCN, CCN). Tùy thuộc vào loại hình sản xuất, quy trình công nghệ, quy mô sản xuất và nhiên liệu sử dụng mà các hoạt động công nghiệp khác nhau sẽ phát sinh khí thải với thành phần và nồng độ khác nhau. Các chất độc hại từ khí thải công nghiệp được phân loại thành các nhóm bụi, nhóm chất vô cơ và nhóm các chất hữu cơ với các chất ô nhiễm phổ biến gồm NO_2 , SO_2 , VOC, Tổng bụi lơ lửng (TSP), các hóa chất và các kim loại. Trong đó lượng phát thải SO_2 , NO_2 và TSP chiếm phần lớn trong tải lượng các chất ô nhiễm, còn lại là các chất ô nhiễm không khí khác.

b. Hoạt động giao thông vận tải

- Hoạt động giao thông vận tải được xem là một trong những nguồn gây ô nhiễm chính đối với môi trường không khí, đặc biệt ở các khu đô thị và khu vực đông dân cư. Cùng với sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, gia tăng các phương tiện cơ giới và khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách là sự phát thải các chất gây ÔNMT không khí. Các chất gây ô nhiễm không khí chủ yếu sinh ra do khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu động cơ bao gồm CO, NO_x, SO₂, hơi xăng dầu (VOCs), PM₁₀... và bụi do đất cát cuốn bay lên từ mặt đường trong quá trình di chuyển (TSP).

- Theo báo cáo của Sở Xây dựng (trước đây là Sở Giao thông vận tải), tổng chiều dài của mạng lưới đường bộ trên địa bàn tỉnh là 2.888,203 km, tỷ lệ nhựa (cứng) hóa đạt 88,16%, bao gồm:

+ Hệ thống Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh có 5 tuyến với tổng chiều dài là 144,40 km, tỷ lệ (cứng) hóa đạt 100%;

+ Hệ thống đường tỉnh: Gồm 10 tuyến với tổng chiều dài là 295,27 km, tỷ lệ (cứng) hóa đạt 100%;

+ Hệ thống đường chuyên dùng: Gồm 7 tuyến với tổng chiều dài 11,92 km, tỷ lệ (cứng) hóa đạt 100,0%;

+ Hệ thống đường huyện: Gồm 84 tuyến với tổng chiều dài 401 km, tỷ lệ (cứng) hóa đạt 98,75%;

+ Hệ thống đường đô thị: Gồm 193 tuyến với tổng chiều dài 160,18 km bao gồm các tuyến đường nội ô Thành phố Vĩnh Long; thị xã Bình Minh và đường thị trấn đã được nhựa (cứng) hóa đạt 97,5%;

+ Hệ thống đường xã: gồm 1.368 tuyến với tổng chiều dài 1.875,7 km, tỷ lệ cứng hóa đạt 82,25%;

- Với sự gia tăng các phương tiện giao thông, đặc biệt là ô tô và xe máy là một trong những nguyên nhân chính gây ÔNMT không khí. Khí thải từ phương tiện giao thông vẫn đang là một trong những tác nhân lớn gây ÔNMT không khí. Trong đó, xe máy chiếm tỷ trọng lớn trong sự phát thải các chất ô nhiễm CO, VOC, TSP, ô tô các loại chiếm tỷ trọng lớn trong sự phát thải SO₂, NO₂. Lượng phát thải các chất ô nhiễm không khí TSP, NO_x, CO, SO₂,... tăng lên hàng năm cùng với sự phát triển về số lượng của các phương tiện giao thông đường bộ, và chất lượng phương tiện còn hạn chế (xe cũ, không được bảo dưỡng thường xuyên) làm gia tăng đáng kể nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí.

c. Hoạt động nông nghiệp

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, chăn nuôi chủ yếu là heo, bò, gà, theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Môi trường tới tháng 12/2022, tổng đàn heo có 196.594 con; đàn bò có 84.832 con; tổng đàn gia cầm có 10.972,7 nghìn con trong đó đàn gà đạt 7.868,4 nghìn con.

- Hoạt động chăn nuôi ở Vĩnh Long hiện nay đang tồn tại ở hai loại hình: trang trại và hộ gia đình. Loại hình chăn nuôi theo mô hình hộ gia đình vốn là

nguồn gây ô nhiễm khó kiểm soát đối với môi trường không khí tại các khu vực nông thôn. Theo Báo cáo Môi trường Quốc gia năm 2013, thành phần khí thải từ quá trình chăn nuôi như sau: khí CO₂ thải ra chiếm 9%, khí CH₄ chiếm 37%, khí NO_x chiếm 65% và các khí khác: H₂S, NH₃... Theo Báo cáo của Viện Chăn nuôi, nồng độ khí H₂S, NH₃ trong chất thải chăn nuôi cao hơn khoảng 30-40 lần mức cho phép.

- Đối với hoạt động trồng trọt nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí là từ việc sử dụng phân bón vô cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Để tăng năng suất cây trồng thì người dân không ngừng ra tăng các loại phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật. Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, không có cơ sở khoa học và mang tính tự phát, dẫn đến hậu quả làm ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, làm cho đất bị chua hóa, mất khả năng sản xuất.

d. Hoạt động làng nghề: Trong thời gian qua, các làng nghề đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố như thu hút nguồn lực trong dân, tạo ra nguồn sản phẩm phong phú và đa dạng phục vụ nhu cầu của xã hội và xuất khẩu; giải quyết lao động; góp phần chuyên dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh... Một số làng nghề đã thực sự đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường đặc biệt các làng nghề sản xuất gạch, gốm thuộc huyện Long Hồ và huyện Mang Thít. Tuy nhiên tại một số khu vực làng nghề sản xuất gạch, gốm ghi nhận hàm lượng bụi và một số chất độc hại (HF) có dấu hiệu tăng ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

d. Hoạt động xây dựng

- Tiểu ngành xây dựng của Vĩnh Long chủ yếu là 4 hoạt động chính là xây dựng nhà để ở, nhà không để ở, các công trình dân dụng và công trình chuyên dụng. Trong giai đoạn 2011-2020, tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng của tỉnh đạt trung bình khoảng 5.000 tỷ đồng/năm (giá hiện hành), trong đó hoạt động xây nhà để ở chiếm tới 55,32, xây nhà không để ở là 20,0%, kỹ thuật dân dụng là 15,7% và xây dựng chuyên dụng là 3,9%. Như vậy có thể thấy, hoạt động xây nhà để ở là hoạt động chủ lực trong ngành xây dựng. Nếu xét cả về sự thay đổi cơ cấu và tốc độ phát triển thì hoạt động xây dựng nhà để ở chiếm vai trò quan trọng nhất và luôn có sự phát triển. Trong khi hoạt động xây dựng chuyên dụng có vai trò ít nhất lại có sự phát triển không ổn định và dần thu hẹp. Hoạt động xây dựng chủ yếu là do khu vực kinh tế ngoài nhà nước thực hiện (chiếm tới 95% giá trị sản xuất), còn lại là khu vực kinh tế nhà nước (5%); chưa thu hút được khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nhiều khu vực được quy hoạch xây dựng cao tầng, khu thương mại dịch vụ (Nhà hàng, khách sạn, văn phòng...), tập trung ở trung tâm Thành phố, dẫn đến tăng mật độ dân cư, tăng nhu cầu đi lại của người dân vào trung tâm. Đồng thời các công trình nhà hàng, khách sạn, dịch vụ thương mại,... có khoảng lùi ít, không đầy đủ bãi đỗ xe, không bố trí giao thông tiếp cận nội bộ và ngoài đường, dẫn đến tình trạng dừng, đỗ xe mật độ lớn trên đường, giao cắt phức tạp trước các công trình, gây ùn tắc giao thông cao và tăng ô nhiễm môi trường không khí.

- Ngoài ra, một số hoạt động xây dựng như: sửa chữa nhà cửa, công trình hạ tầng xây dựng và giao thông, hạ tầng thoát nước, khai khoáng... cũng gây ô nhiễm bụi, tiếng ồn cục bộ tại một số khu vực, nhất là khu vực nội thành. Tuy bụi phát sinh từ hoạt động xây dựng là không thể tránh khỏi nhưng tỉnh cần tiếp tục nâng cao ý thức, tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường tại các công trường xây dựng để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường không khí xung quanh khu vực.

e. Hoạt động dân sinh

- Nguồn phát sinh khí thải từ dân sinh chủ yếu từ hoạt động sử dụng than, than tổ ong và hoạt động đốt rác tự phát (đốt rác thải sinh hoạt, cỏ khô, ...). Do nguồn nguyên liệu than, than tổ ong có giá thành rẻ hơn so với sử dụng gas, điện nên vẫn còn một số hộ dân buôn bán nhỏ lẻ sử dụng và làm phát sinh bụi, khí thải độc hại ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh. Thêm vào đó, tình trạng đốt rác tự phát vẫn còn diễn ra ở một vài nơi cũng góp phần vào việc gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Sinh hoạt của dân cư là nguồn gây ô nhiễm không khí tương đối nhỏ so với các nguồn khác. Tác nhân gây ô nhiễm chủ yếu là bụi, SO_2 , CO. Khí ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động đun nấu sử dụng nhiên liệu và gây ô nhiễm cục bộ trong phạm vi một hộ gia đình hoặc vài hộ xung quanh. Ngoài việc sử dụng củi gỗ, rơm rạ truyền thống trong sinh hoạt, việc sử dụng than tổ ong trong đun nấu tại một số ít khu vực như tại các quán ăn, đây cũng là một trong những nguồn phát thải nhiều loại khí gây ô nhiễm môi trường như CO, SO_2 , bụi...

- Theo Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2022, dân số trung bình tỉnh vào năm 2022 ước đạt 1.028.822 người, giảm 193 người, tương đương giảm 0,019% so với năm 2021, bao gồm dân số thành thị 234.620 người, chiếm 22,8%; dân số nông thôn 794.202 người, chiếm 77,2%; khu vực nông thôn là nơi phát sinh nhiều khí thải do đun nấu sinh hoạt hơn là đô thị, vì các phế phẩm nông nghiệp (rơm, trấu, cây bắp,...) có thể được tận dụng làm nhiên liệu đun nấu. Bên cạnh đó, thói quen dùng củi trong đun nấu vẫn còn tồn tại ở một số ít hộ gia đình, quán ăn. Cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí.

2. Tác động từ các nguồn phát thải ở các vùng lân cận, các nguồn lan truyền tầm xa (ô nhiễm liên tỉnh)

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực trên địa bàn tỉnh cho thấy môi trường không khí của tỉnh còn tương đối tốt. Hiện nay, chưa có số liệu điều tra, khảo sát đầy đủ về các nguồn khí thải lớn nằm trên địa bàn các huyện giáp ranh với tỉnh Vĩnh Long thuộc các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh. Với các nguồn khí thải lớn, mỗi địa phương sẽ chủ động kiểm soát đảm bảo không gây tác động đến môi trường tại địa phương và các khu vực lân cận. Căn cứ theo Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì mỗi địa phương có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng không khí cho nên tác động từ các nguồn phát sinh khí thải trong thời gian sắp tới sẽ được kiểm soát và giảm thiểu. Ngoài ra, các nguồn tác động đến môi trường không khí như

giao thông, hoạt động dân sinh... chủ yếu tác động tại khu vực phát sinh, nhất thời ít khả năng lan rộng nên khả năng tác động đến các địa bàn cách xa nguồn thải là rất ít. Hơn nữa, hiện nay tại các khu vực giáp ranh với tỉnh Vĩnh Long không có các ngành nghề có lưu lượng khí thải lớn, lan rộng như xi măng, nhiệt điện đốt than... nên chất lượng không khí tỉnh Vĩnh Long chưa chịu tác động từ các nguồn ngoại tỉnh này.

3. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới chất lượng không khí

- Chất lượng không khí phụ thuộc rất nhiều vào khí hậu và thời tiết. Các yếu tố tự nhiên như tốc độ gió, nhiệt độ, bức xạ mặt trời, độ ẩm, lượng mưa, độ mây, hơi nước trong khí quyển,... và sự tương tác giữa những yếu tố này có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí trên phạm vi lớn.

- Vĩnh Long có khu vực địa hình khá bằng phẳng với độ dốc nhỏ hơn 2 độ. Địa thế của tỉnh trải rộng dọc sông Tiền – sông Cổ Chiên và sông Hậu, tiểu địa hình có dạng lòng chảo ở giữa trung tâm tỉnh và cao dần về hướng bờ sông Tiền, sông Hậu, sông Măng Thít và ven các sông rạch lớn khác, cao độ khá thấp so với mực nước biển (cao độ < 1,0m chiếm 20,79% diện tích). Do địa hình đồng bằng nên nồng độ các chất ô nhiễm bị tích tụ do hạn chế phát tán có thể cao hơn trong các thung lũng so với các khu vực có mặt đất bằng phẳng hơn. Điều này là do, trong điều kiện thời tiết nhất định, các chất ô nhiễm có thể bị “mắc kẹt” ở các khu vực trũng thấp như thung lũng

- Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng đến sự lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất và nguồn nước. Nhiệt độ không khí càng cao thì tác động của các độc tố lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong môi trường càng lớn. Ngược lại, nhiệt độ thấp sẽ làm giảm khả năng khuếch tán chất ô nhiễm. Đây là một phần lý do cho sự thay đổi đáng kể nồng độ các chất ô nhiễm giữa ngày và đêm, giữa mùa khô và mùa mưa, giữa mùa đông và mùa hè.

- Hơi nước có vai trò quan trọng trong nhiều phản ứng nhiệt và quang hóa trong khí quyển. Vì các phân tử nước nhỏ và phân cực, chúng có thể liên kết mạnh với nhiều chất. Nếu được gắn vào các hạt lơ lửng trong không khí, chúng có thể làm tăng đáng kể lượng ánh sáng bị tán xạ bởi các hạt bụi. Nếu các phân tử nước bám vào các khí ăn mòn, chẳng hạn như sulfur dioxide, khí sẽ hòa tan trong nước và tạo thành dung dịch axit có thể gây mưa axit và có thể gây ảnh hưởng xấu đến diện tích rừng, lan truyền các chất ô nhiễm trên diện rộng.

- Lượng mưa và các yếu tố thiên tai khác cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng không khí. Mưa có tác dụng làm sạch môi trường không khí. Các hạt mưa kéo theo các hạt bụi, hòa tan một số khí độc hại và sau đó rơi xuống, gây ô nhiễm đất và ô nhiễm nguồn nước. Tuy vậy, mưa cũng làm sạch bụi ở trên các lá cây, làm cho các dải cây xanh tăng khả năng hút bám và che chắn bụi.

- Gió là yếu tố khí tượng cơ bản nhất có ảnh hưởng đến sự lan truyền chất độc hại trong không khí. Gió tạo ra các dòng không khí chuyển động rồi trên mặt đất. Nồng độ của chất ô nhiễm tại một địa điểm phụ thuộc nhiều vào hướng

gió và vận tốc gió thổi. Gió có vận tốc lớn ở tầng không khí sát mặt đất vào ban ngày, còn ban đêm thì ở tầng cao.

4. Ảnh hưởng của các điều kiện khí tượng bất lợi

- Các yếu tố khí tượng tác động lên chất lượng không khí bao gồm: Tốc độ gió, tần suất hướng gió, tần suất lặng gió; chế độ mưa-độ ẩm; nhiệt độ và bức xạ mặt trời. Các yếu tố này tạo nên độ bền vững khí quyển (loại A, B là khí quyển không bền vững, loại D là khí quyển trung hòa, loại E, F là khí quyển bền vững). Vào ban ngày thì độ bền vững khí quyển được xác định thông qua tốc độ gió và bức xạ mặt trời; vào ban đêm độ bền vững khí quyển được xác định thông qua độ che phủ mây. Điều kiện khí tượng bất lợi cho quá trình lan truyền, phát tán các chất ô nhiễm không khí là tốc độ gió nhỏ hay lặng gió; độ bền vững khí quyển không ổn định (loại A, B). Ngoài ra, hiện tượng nghịch nhiệt cũng gây bất lợi cho quá trình lan truyền các chất ô nhiễm không khí.

- Tỉnh Vĩnh Long nằm ở trung tâm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, thuộc vùng giữa sông Tiền - sông Hậu; cách thành phố Hồ Chí Minh 136 km về hướng Đông Bắc và thành phố Cần Thơ 35 km về hướng Nam. Tọa độ địa lý từ 9°52'45" đến 10°19'50" vĩ độ Bắc và từ 105°41'25" đến 106°17'00" kinh độ Đông. Tỉnh nằm trong vùng nhiệt đới ẩm, gió mùa cận xích đạo, quanh năm nóng, ẩm, chế độ nhiệt tương đối cao, bức xạ dồi dào.

IV. Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng

Dữ liệu y tế về các bệnh liên quan đến đường hô hấp được thu thập tại Sở y tế tỉnh Vĩnh Long thông qua báo cáo của các cơ sở khám, chữa bệnh tổng hợp gửi về Sở Y tế cho thấy năm 2022 có tổng số 304.445 trường hợp khám chữa các bệnh liên quan đến hô hấp, trong đó có khoảng 66.298 bệnh nhân dưới 15 tuổi, tỷ lệ bệnh nhân nữ ước tính khoảng 49,9%. Các bệnh được xác định chủ yếu là: Viêm họng và viêm amidan cấp; Viêm thanh, khí quản cấp; Viêm cấp đường hô hấp trên khác; Cúm; Các bệnh viêm phổi; Viêm phế quản và viêm tiểu phế quản cấp; Viêm xoang mạn tính; Bệnh của mũi và các xoang phụ của mũi; Bệnh mạn tính của amidan và bệnh tai mũi họng (VA); Bệnh khác đường hô hấp trên; Viêm phế quản tràn khí và các bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; Hen; Giãn phế quản; Bệnh phổi không do phế cầu khuẩn; Bệnh hô hấp khác... Việc xác định chính xác nguyên nhân của một số bệnh lý do ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường không khí là một vấn đề hết sức phức tạp cần có nhiều thời gian và có các nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng có mối tương quan rất chặt chẽ giữa chất lượng môi trường không khí và sức khỏe của người dân.

V. Mục tiêu và phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí

1. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Vĩnh Long thông qua kiểm soát, giảm thiểu nguồn phát sinh khí thải, tăng cường dự

báo, cảnh báo, giám sát chất lượng môi trường không khí; đảm bảo sức khỏe cộng đồng; góp phần vào việc hoạch định chính sách, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phấn đấu đưa tỉnh Vĩnh Long trở thành địa phương có chỉ số chất lượng môi trường không khí luôn đạt mức tốt.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao nhận thức của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại cơ sở, đặc biệt là đầu tư các công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải đảm bảo quy định trước khi thải ra môi trường.

b. Mục tiêu cụ thể

- Đối với các thông số SO_2 , NO_2 , CO , PM_{10} , $\text{PM}_{2.5}$, Tổng bụi lơ lửng và Ozone trong môi trường không khí xung quanh hầu hết đáp ứng giá trị giới hạn của QCVN 05:2023/BTNMT, mục tiêu của Kế hoạch là duy trì nồng độ các thông số này nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

- Trên cơ sở kết quả mô hình lan truyền ô nhiễm không khí đến năm 2030, kiểm soát, giảm nguồn thải gây ô nhiễm NO_2 và $\text{PM}_{2.5}$ tại các khu vực dự báo sẽ vượt ngưỡng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT (khu vực xã Lộc Hòa và xã Hòa Phú, huyện Long Hồ,...).

- Nguồn thải điểm: Kiểm soát tốt các nguồn điểm, 100% cơ sở sản xuất công nghiệp kiểm soát, xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; 100% cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục phải thực hiện đầu tư, lắp đặt trước khi đi vào hoạt động; Các cơ sở sản xuất có phát sinh bụi, khí thải lớn có công nghệ sản xuất lạc hậu phải có kế hoạch thực hiện đầu tư, đổi mới cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất; đầu tư công nghệ xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường.

- Nguồn di động: kiểm soát tốt nguồn khí thải từ hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam và các quy định của pháp luật về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Euro 4. Triển khai thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí mê-tan của ngành Giao thông vận tải.

- Nguồn diện: Kiểm soát tốt nguồn thải diện trên địa bàn tỉnh, đặc biệt từ các công trình xây dựng, đun nấu sinh hoạt.

- Tăng cường công tác giám sát chất lượng không khí xung quanh thông qua việc tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng không khí định kỳ; duy trì các trạm quan trắc không khí xung quanh tự động, liên tục hiện có. Công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí xung quanh trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí

- Phạm vi quản lý: 08 đơn vị hành chính gồm Thành phố Vĩnh Long, Thị xã Bình Minh và 6 huyện: Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân.

- Các khu vực ưu tiên quản lý:

+ Các khu vực đông dân cư, đô thị thuộc Thành phố Vĩnh Long, cần ưu tiên các giải pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm từ hoạt động giao thông cơ giới đường bộ.

+ Các khu vực tập trung KCN: KCN Hòa Phú (huyện Long Hồ), KCN Bình Minh (thị xã Bình Minh). Tăng cường các giải pháp kiểm soát ô nhiễm tại các nhà máy, xí nghiệp có tải lượng xả thải lớn và các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi từ các hoạt động giao thông vận chuyển.

+ Các khu vực tập trung chăn nuôi trên địa bàn tỉnh: cần tăng cường thực hiện các giải pháp quản lý chất thải chăn nuôi.

+ Các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (bãi rác Hòa Phú – huyện Long Hồ) cần ưu tiên các giải pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm.

+ Tại một số làng nghề sản xuất gạch, gốm thuộc huyện Long Hồ, huyện Mang Thít và khu vực vườn cây ăn trái thuộc huyện Vũng Liêm (khu vực cù lao phát sinh khí thải do phun thuốc bảo vệ thực vật) cần thực hiện quản lý chất lượng môi trường không khí.

+ Tăng cường quản lý các hoạt động xây dựng công trình trong khu vực dân cư, đô thị đảm bảo vấn đề môi trường. Ngoài ra, cũng cần quan tâm quản lý, phối hợp kiểm soát chất lượng không khí liên tỉnh.

VI. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm không khí

1. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điểm

- Rà soát, thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp có nguồn thải lớn vào KCN, CCN.

- Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn về việc thực hiện lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt là các cơ sở có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất tại các cơ sở nhằm hạn chế phát sinh khí thải. Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có sử dụng các lò hơi chuyển đổi nhiên liệu đốt từ than, củi sang các nhiên liệu thân thiện với môi trường.

- Yêu cầu và giám sát các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Ưu tiên kêu gọi đầu tư đối với các dự án ít phát thải, sản xuất sạch hơn, các dự án có công nghệ sản xuất tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường không khí đầu tư vào tỉnh.

- Thực hiện kiểm kê nguồn khí thải cho toàn bộ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn phổ biến các chính sách, quy định của pháp luật về môi trường cho các nhân viên phụ trách công tác môi trường tại các cơ sở sản xuất.

- Hướng dẫn các trang trại thực hiện chăn nuôi theo công nghệ cao. Yêu cầu các trang trại xây dựng hệ thống xử lý nước thải kết hợp thu hồi biogas làm nhiên liệu đảm bảo trước khi thải ra môi trường. Khuyến khích các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ xây dựng hệ thống hầm biogas, ủ phân bằng phương pháp sinh học để xử lý chất thải từ chăn nuôi.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn di động

- Kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông (thực hiện theo đúng lộ trình sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành).

- Tăng cường công tác quản lý đăng ký, đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy; loại bỏ các phương tiện không đủ điều kiện tiêu chuẩn khí thải (xe hết niên hạn sử dụng, xe tự chế,...); tổ chức ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm phương tiện.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện vận tải nhằm đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình khai thác; Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về việc sử dụng năng lượng sạch, thân thiện môi trường thay thế nhiên liệu truyền thống.

- Tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban ngành trong công tác xây dựng hạ tầng đô thị: đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc...

- Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp, kiểm tra chặt chẽ việc bảo đảm các giải pháp bảo vệ môi trường của các phương tiện trước khi đi vào khu vực nội thành, nội thị.

- Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc tại các tuyến đường đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bến xe, bến phà (đường thủy), giảm ùn tắc tại khu vực cổng trường học và vào ngày lễ, tết

- Phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban ngành trong công tác quy hoạch, xây dựng hạ tầng giao thông, phát triển thêm các đường nhánh đầu nối với các cổng khác của khu công nghiệp, nhằm kéo giảm mật độ giao thông cao trên quốc lộ 1A.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các nơi xây dựng công trình giao thông, các cơ sở trạm trộn bê tông, sản xuất bê tông tươi, các cơ sở mua bán vật liệu

xây dựng... nhằm kiểm soát việc phát tán bụi và tiếng ồn tại các địa điểm thi công xây dựng và trên các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn diện

- Hướng dẫn việc thực hiện bố trí diện tích cây xanh của các KCN/CCN và khu chăn nuôi tập trung đảm bảo theo QCVN 01:2021 của Bộ Xây dựng. Rà soát, đánh giá lại công tác quy hoạch tại các đô thị bảo đảm tính hợp lý, chú trọng quy hoạch cây xanh, mặt nước trong đô thị; trồng nhiều cây xanh tạo thành các vành đai xanh, khu phố xanh, thành phố xanh.

- Tuyên truyền tác hại, nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng, phun thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động trồng trọt ảnh hưởng đến môi trường, tiến đến sử dụng các loại thuốc sinh học thân thiện với môi trường. Kiểm soát và ngăn chặn việc đốt rác, bao bì bảo vệ thực vật không kiểm soát trên địa bàn.

- Tăng cường thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông lâm nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích.

- Nghiên cứu, áp dụng các công nghệ giảm thiểu bụi tại công đoạn làm sạch các tuyến đường trước khi trải nhựa trong xây dựng các tuyến đường trên địa bàn tỉnh.

- Lắp các bảng điện tử công khai thông tin về chỉ số chất lượng môi trường không khí xung quanh (AQI) tại Tp. Vĩnh Long và thị xã Bình Minh.

- Đầu tư thiết bị đo đặc bụi mịn PM_{10} , $PM_{2.5}$ để giám sát các nguồn thải chính (tập trung vào nguồn công nghiệp, giao thông và xây dựng).

- Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc hiện trạng chất lượng môi trường tỉnh Vĩnh Long theo quy hoạch.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

4. Các nhóm nhiệm vụ và giải pháp khác

a. Công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng

- Xây dựng trang thông tin điện tử về chất lượng không khí tỉnh Vĩnh Long và cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh; công khai thông tin về chất lượng không khí và ô nhiễm không khí hàng ngày trong các chương trình phát sóng trên Đài phát thanh và truyền hình Vĩnh Long.

- Thực hiện các kế hoạch truyền thông nâng cao kiến thức về ô nhiễm không khí tại các trường học, đặc biệt là các trường tiểu học, trung học, dần hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc sử dụng nhiên liệu xanh, sạch cho phương tiện giao thông cơ giới, cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh; thay đổi thói quen tham gia giao thông, tăng cường sử dụng phương tiện công cộng và giảm phương tiện cá nhân.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, trình độ cho nhân lực từ cấp tỉnh đến cấp xã về công tác quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Tăng cường sự phối hợp công tác giữa các ban ngành, địa phương trong công tác quản lý môi trường không khí.

- Phát huy vai trò và nâng cao ý thức của người dân trong ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, có cơ chế khen thưởng và xử lý vi phạm phù hợp.

b. Ban hành cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật

- Tiếp tục xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiên liệu sạch, áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất giảm thiểu phát thải.

- Xây dựng và ban hành quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị; quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại.

- Nghiên cứu ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải trên địa bàn tỉnh khi chất lượng môi trường xung quanh không đảm bảo duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất mức hỗ trợ lãi suất vay đầu tư phương tiện xe buýt phù hợp có thể thu hút được các doanh nghiệp đầu tư phương tiện mới.

- Có chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ mới trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng. Đầu tư sản xuất lớn với quy mô công nghệ để từng bước loại bỏ tình trạng khai thác, chế biến thủ công nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Đề ra các chế tài đối với các vi phạm trong quản lý, các vi phạm trong cộng đồng dân cư ảnh hưởng đến môi trường không khí (gây ô nhiễm nguồn nước dẫn đến ô nhiễm không khí)... quản lý, khắc phục các phương tiện tham gia giao thông gây ô nhiễm không khí.

c. Nâng cao năng lực phòng ngừa, cảnh báo ô nhiễm môi trường không khí

- Tăng cường công tác quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh, đồng bộ kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

- Xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp về quản lý chất lượng môi trường không khí liên vùng, liên tỉnh.

d. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của cộng đồng

- Tăng cường nguồn ngân sách cho các cơ quan quản lý nhà nước để đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở dữ liệu về khí thải và chất lượng môi trường không khí, các công cụ tính toán chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI), mô hình dự báo chất lượng không khí.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế (tài chính, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ,...) thông qua hợp tác song phương và đa phương cho quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Tăng cường nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với tổ chức trong nước và quốc tế, các chuyên gia quản lý, bảo vệ môi trường không khí.

- Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu.

- Triển khai các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn để giảm thiểu phát thải khí thải.

- Thực thi có hiệu quả một số chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án về môi trường, như bảo lãnh vay vốn tín dụng của các ngân hàng nước ngoài; ưu tiên khai thác các nguồn vốn ODA từ các chính phủ và các tổ chức quốc tế; vay vốn với lãi suất ưu đãi từ các quỹ hỗ trợ phát triển của Nhà nước và các quỹ môi trường; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp tư nhân và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh tham gia đầu tư xử lý môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác giám sát, quản lý chất lượng không khí.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

Lộ trình thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 được ưu tiên từ các nguồn ngân sách nhà nước và từ các nguồn vốn hợp pháp khác (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

2. Vai trò, trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức thực hiện kế Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

a. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chuẩn địa phương, quy định về quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh và tiếp cận với các nước phát triển.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường không khí định kỳ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Định kỳ công bố kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên cổng thông tin điện tử và phương tiện truyền thông của UBND tỉnh; đồng thời kết nối về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để các cơ quan chuyên môn, cơ quan thông tấn, báo chí đề theo dõi, tiếp cận và đưa tin. Trường hợp xảy ra ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh có hại cho sức khỏe cần kịp thời cảnh báo cho cộng đồng, nhân dân.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở có lưu lượng khí thải phát sinh lớn; các cơ sở sử dụng nhiên liệu đốt là phế liệu, vãi vụn; các trang trại chăn nuôi quy mô lớn; các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, xử lý nghiêm, yêu cầu dừng, chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở phát sinh khí thải vượt quy chuẩn, tái phạm nhiều lần.

- Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và cấp phép môi trường của các dự án đầu tư và thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và UBND cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn triển khai việc thu gom, xử lý, chế biến phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích; tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân không đốt phụ phẩm nông nghiệp và xử lý đúng theo quy định bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các chủ trang trại, gia trại trong việc bảo vệ môi trường chăn nuôi; hướng dẫn xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học như: nuôi gia súc, gia cầm trên nền đệm lót sinh học; sử dụng phế phẩm sinh học; công nghệ khí sinh học biogas,... nhằm xử lý chất thải chăn nuôi, giảm mùi hôi thối, diệt khuẩn có hại và tăng khả năng phòng, chống dịch bệnh cho chăn nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi; xử lý chất thải chăn nuôi trước khi xả ra môi trường.

- Tuyên truyền tác hại, nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng, phun thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động trồng trọt ảnh hưởng đến môi trường, áp dụng các mô hình phòng chống dịch hại thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Kiểm soát và ngăn chặn việc đốt rác, bao bì bảo vệ thực vật không kiểm soát trên địa bàn.

- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu).

- Tổ chức thực hiện tốt, hiệu quả phát triển kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh.

b. Ban Quản lý các Khu công nghiệp

- Thu hút, tiếp nhận dự án mới có ngành nghề phù hợp quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền, đảm bảo các chỉ tiêu về diện tích cây xanh theo quy chuẩn.

- Phối hợp, theo dõi, giám sát chất lượng không khí tại khu công nghiệp; tăng cường giám sát việc thực hiện tuân thủ các quy định về BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các KCN có nguồn phát sinh khí thải lớn trên địa bàn tỉnh.

c. Sở Công Thương

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về sử dụng điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học thay thế nhiên liệu hóa thạch.

- Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng công nghệ xử lý khí thải tiên tiến; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ thúc đẩy sản xuất, sử dụng nhiên liệu sinh học trong sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng mô hình sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Phối hợp tham mưu UBND tỉnh thu hút các dự án năng lượng mới, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

d. Sở Xây dựng

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện các quy hoạch chung đô thị đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn về diện tích cây xanh, mặt nước trong đô thị.

- Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền, đảm bảo các chỉ tiêu về diện tích cây xanh theo quy chuẩn.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan nghiên cứu công nghiệp và các giải pháp thu hút đầu tư các dự án sản xuất vật liệu mới; sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện kiểm định khí thải đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 đối với xe ô tô, xe moto 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; áp dụng tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu theo Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống giao thông công cộng, ưu tiên phương tiện sử dụng năng lượng sạch, không phát thải; thu hồi, loại bỏ phương tiện cơ giới cũ nát, lạc hậu, không đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường trong tỉnh; phát triển giao thông phi cơ giới; khuyến khích người dân sử dụng phương tiện công cộng, giảm phương tiện cá nhân; đẩy mạnh tuyên truyền sử dụng giao thông thân thiện với môi trường; thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc kéo dài gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất đầu tư sửa chữa, cải tạo hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý, đặc biệt là các vị trí có biểu hiện ô nhiễm môi trường do hoạt động giao thông vận tải.

d. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp các các Sở, Ban, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và UBND cấp xã chỉ đạo, kiểm tra thực hiện việc quan trắc các tác động từ hoạt động của ngành y tế đối với môi trường không khí;

- Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe; tuyên truyền phổ biến các hướng dẫn và cảnh báo các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí, đưa ra các khuyến cáo để người dân ứng phó khi gặp tình trạng ô nhiễm không khí.

e. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan có ý kiến khoa học hoặc thẩm định công nghệ đối với các dự án đầu tư phải thẩm định công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ, trong đó, có các dự án phát thải khí thải lớn.

- Hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ về kiểm soát chất lượng không khí; tăng cường quản lý nâng cao chất lượng nhiên liệu; ưu tiên đầu tư nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý chất lượng không khí.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải, tiết kiệm nhiên liệu,... theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh sử dụng các nguồn dữ liệu quan trắc môi trường không khí chính thống do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện để cung cấp thông tin cho cộng đồng xã hội thông qua các phương tiện truyền thông hoặc thông tin dự báo khí tượng, thời tiết định kỳ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường phổ biến thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về chất lượng môi trường không khí, những tác động xấu đến sức khỏe, đặc biệt là tại các khu đô thị và những khu vực có chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm như khu công nghiệp, làng nghề thủ công.

- Xử lý nghiêm các trường hợp đưa thông tin sai lệch, gây hoang mang trong cộng đồng về chất lượng không khí theo quy định của pháp luật.

g. Sở Tài chính

- Cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác cho các chương trình, dự án nhiệm vụ theo lộ trình của Kế hoạch.

- Chủ trì thẩm định các khoản viện trợ không hoàn lại, viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh để thực hiện các chương trình, dự án (nếu có) theo lộ trình của Kế hoạch.

h. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Vận động tuyên truyền cán bộ công chức, viên chức người lao động, cơ sở, doanh nghiệp lĩnh vực ngành quản lý thực hiện tốt công tác BVMT, không vứt rác bừa bãi, hưởng ứng chương trình trồng cây xanh.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch và các hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý; đối với các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú phải nghiêm yết quy định về bảo vệ môi trường; lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải và phải bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường.

i. Công an Tỉnh

- Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các hành vi gây ô nhiễm không khí trong các hoạt động sản xuất, trên các tuyến giao thông trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, thu hồi xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, xe tự chế ba, bốn bánh không đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc giao thông trong nội địa, đặc biệt là tại các cổng trường học; tăng cường kiểm soát tải trọng xe vận tải ngay tại chân hàng; sử dụng có hiệu quả trạm kiểm tra tải trọng lưu động và cân xách tay.

k. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, bố trí nhân lực, nguồn lực phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã trong việc triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo ngoại khóa nhằm nâng cao hiểu biết của học sinh, sinh viên với công tác bảo vệ môi trường.

l. UBND các xã, phường

- Ban hành Kế hoạch và lộ trình chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp, xử lý thực bì sau mỗi vụ thu hoạch, đảm bảo tỷ lệ thu gom xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông lâm nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích đạt 100%.

- Công khai thông tin về các nguồn gây ô nhiễm không khí, các cá nhân, tổ chức trên địa bàn quản lý vi phạm các quy định pháp luật bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức và duy trì thường xuyên các biện pháp phù hợp hạn chế bụi phát tán tại các khu vực nội thị, khu vực đông dân cư, đặc biệt trong điều kiện thời tiết hanh khô, lặng gió. Tăng cường thu gom rác, bụi bẩn trên các trục, tuyến, giải phân cách đường giao thông;

- Tăng cường kiểm tra, xử lý cơ sở, hoạt động gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đôn đốc, kiểm tra các chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, giao thông trên địa bàn thực hiện nghiêm các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh (che chắn công trình, phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, phun nước, rửa đường, rửa xe ra vào công trình,...).

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền, đảm bảo các chỉ tiêu về diện tích cây xanh theo quy chuẩn.

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao kiến thức về ô nhiễm không khí đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là các trường tiểu học, trung học, dần hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng.

m. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, chính quyền các cấp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường; kiến thức về bảo vệ môi trường không khí tại các khu dân cư và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; tích cực tham gia giám sát, theo dõi, phát hiện và báo tin về các hành vi gây ô nhiễm không khí trong các hoạt động sản xuất, trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn.

n. Các chủ nguồn thải phát sinh khí thải

- Các cơ sở sản xuất: Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất; chủ động thực hiện nâng cao năng lực, cải tiến đổi mới quy trình công nghệ, đầu tư trang thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải đảm bảo không gây ô nhiễm không khí; nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định; thực hiện thường xuyên việc quan trắc, giám sát khí thải.

- Các đơn vị thi công các công trình xây dựng, giao thông, sản xuất vật liệu xây dựng...: Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh (che chắn, công trình, phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, phun nước, rửa đường và rửa xe ra, vào công trình...). Thực hiện thường xuyên công tác vệ sinh công nghiệp trong quá trình xây dựng, sản xuất tại các đơn vị, đặc biệt là tại các tuyến đường vận chuyển đất đá, tro xỉ tới khu vực san lấp mặt bằng.

3. Cơ chế về báo cáo, giám sát, phối hợp, chia sẻ, công khai, trao đổi, cung cấp thông tin về chất lượng môi trường không khí tại địa phương

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND tỉnh trước ngày 31/12 hằng năm; tổ chức tổng kết đánh giá việc thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, xây dựng và triển khai kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo làm cơ sở đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Các Sở, ban, ngành liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này; báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Cơ chế phân bổ nguồn lực thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước; nguồn huy động hợp pháp khác./.

Phụ lục
Lộ trình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030

Stt	Tên nhiệm vụ và giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Nguồn điểm			
1	Rà soát, thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp có nguồn thải lớn vào KCN, CCN.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
2	Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thực hiện lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt là các cơ sở có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ sở sản xuất	Hàng năm
3	Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất tại các cơ sở nhằm hạn chế phát sinh khí thải. Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có sử dụng các lò hơi chuyển đổi nhiên liệu đốt từ than, củi sang các nhiên liệu thân thiện với môi trường	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã; Cơ sở sản xuất, Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh	Năm 2025 - 2030
4	Yêu cầu và giám sát các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Stt	Tên nhiệm vụ và giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	phủ.			
5	Ưu tiên kêu gọi đầu tư đối với các dự án ít phát thải, sản xuất sạch hơn, các dự án có công nghệ sản xuất tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường không khí đầu tư vào tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
6	Thực hiện kiểm kê nguồn khí thải cho toàn bộ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ sở sản xuất	Năm 2025 - 2030
7	Tổ chức tập huấn phổ biến các chính sách, quy định của pháp luật về môi trường cho các nhân viên phụ trách công tác môi trường tại các cơ sở sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
8	Hướng dẫn các trang trại thực hiện chăn nuôi theo công nghệ cao. Yêu cầu các trang trại xây dựng hệ thống xử lý nước thải kết hợp thu hồi biogas làm nhiên liệu đảm bảo trước khi thải ra môi trường. Khuyến khích các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ xây dựng hệ thống hầm biogas, ủ phân bằng phương pháp sinh học để xử lý chất thải từ chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
9	Tiếp tục nghiên cứu tính toán tiềm năng giảm phát thải KNK trong lĩnh vực chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nước thải sinh hoạt, công nghiệp và y tế)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
10	Tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực của các	Sở Nông nghiệp và Môi	Các Sở, ban, ngành, UBND	Năm 2025 - 2030

Stt	Tên nhiệm vụ và giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	cán bộ môi trường tại các KCN, CCN, cơ sở sản xuất kinh doanh về giảm thiểu phát thải.	trường	cấp xã	
II	Nguồn di động			
1	Kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông (thực hiện theo đúng lộ trình sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành)	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Theo thời gian hướng dẫn của Trung ương
2	Tăng cường công tác quản lý đăng ký, đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy; loại bỏ các phương tiện không đủ điều kiện tiêu chuẩn khí thải (xe hết niên hạn sử dụng, xe tự chế,...); tổ chức ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm phương tiện	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
3	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các doanh nghiệp vận tải trên địa bàn thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện vận tải nhằm đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình khai thác; Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về việc sử dụng năng lượng sạch, thân thiện môi trường thay thế nhiên liệu truyền thống.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
4	Tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban ngành trong công tác xây dựng hạ tầng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm

Stt	Tên nhiệm vụ và giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	đô thị: đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc...			
5	Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp, kiểm tra chặt chẽ việc bảo đảm các giải pháp bảo vệ môi trường của các phương tiện trước khi đi vào khu vực nội thành, nội thị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
III	Nguồn diện			
1	Hướng dẫn việc thực hiện bố trí diện tích cây xanh của các KCN/CCN và khu chăn nuôi tập trung đảm bảo theo QCVN01:2021 của Bộ Xây dựng. Rà soát, đánh giá lại công tác quy hoạch tại các đô thị bảo đảm tính hợp lý, chú trọng quy hoạch cây xanh, mặt nước trong đô thị; trồng nhiều cây xanh tạo thành các vành đai xanh, khu phố xanh, thành phố xanh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Hàng năm
2	Tuyên truyền tác hại, nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng, phun thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động trồng trọt ảnh hưởng đến môi trường, tiến đến sử dụng các loại thuốc sinh học thân thiện với môi trường. Kiểm soát và ngăn chặn việc đốt rác, bao bì bảo vệ thực vật không kiểm soát trên địa bàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Hàng năm
3	Thanh tra, kiểm tra việc nội dung cải tạo phục hồi môi trường đối với các cơ sở khai thác khoáng sản theo phương án cải tạo phục	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Hàng năm

Stt	Tên nhiệm vụ và giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	hội môi trường đã được phê duyệt			
4	Nghiên cứu, áp dụng các công nghệ giảm thiểu bụi tại công đoạn làm sạch các tuyến đường trước khi trải nhựa trong xây dựng các tuyến đường trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
5	Đầu tư thiết bị đo đặc bụi mịn PM ₁₀ , PM _{2.5} để giám sát các nguồn thải chính (tập trung vào nguồn công nghiệp, giao thông và xây dựng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
6	Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc hiện trạng chất lượng môi trường tỉnh Vĩnh Long theo quy hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Hàng năm
7	Tiếp tục triển khai cuộc vận động xây dựng mô hình thí điểm: Sử dụng tiết kiệm năng lượng trong mỗi hộ gia đình, cơ quan, bệnh viện, trường học	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	2025 -2030
8	Tiếp tục nghiên cứu tính toán tiềm năng giảm phát thải KNK trong lĩnh vực nông nghiệp ở vĩnh Long	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
9	Tiếp tục xây dựng và thực hiện các đề xuất giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện tỉnh Vĩnh Long cho lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030
10	Tiếp tục sản xuất lúa giảm phát thải tại tỉnh Vĩnh Long	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp xã	Năm 2025 - 2030